

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP MaSan High - Tech Materials

Ngày 15/01/2024	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-9.1%	-

DT thuần Q4/23
3,188 tỷ VNĐ
QoQ: ▼402 -11.2%
YoY: ▼710 -18.2%

LN thuần Q4/23
-963 tỷ VNĐ
QoQ: ▼691 -254%
YoY: ▼659 -217%

LN sau thuế Q4/23
-830 tỷ VNĐ
QoQ: ▼617 -289%
YoY: ▼641 -339%

Tỷ lệ lãi EBIT 2023
-4.6%
YoY: +/- ▼ 12.1%

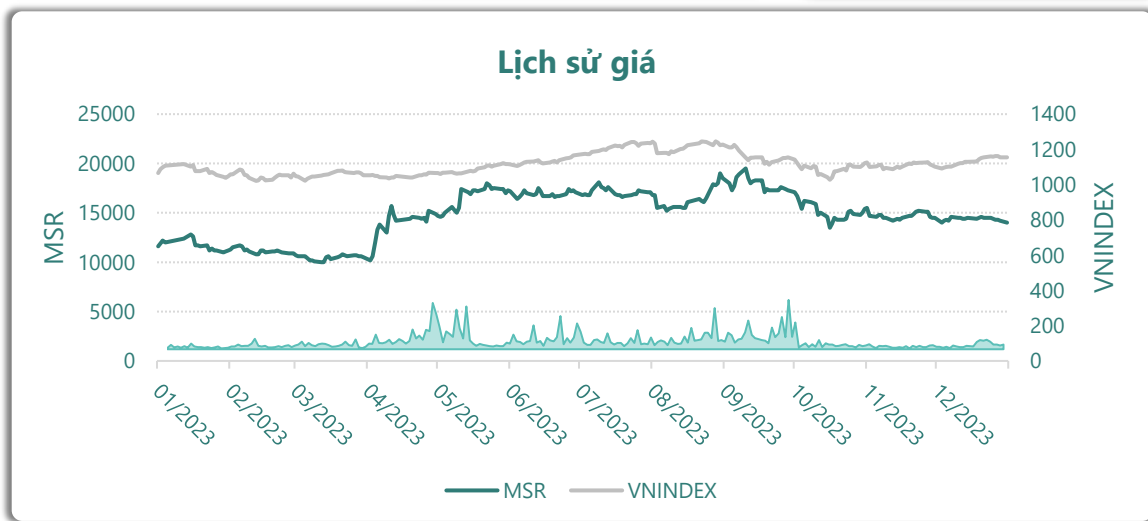
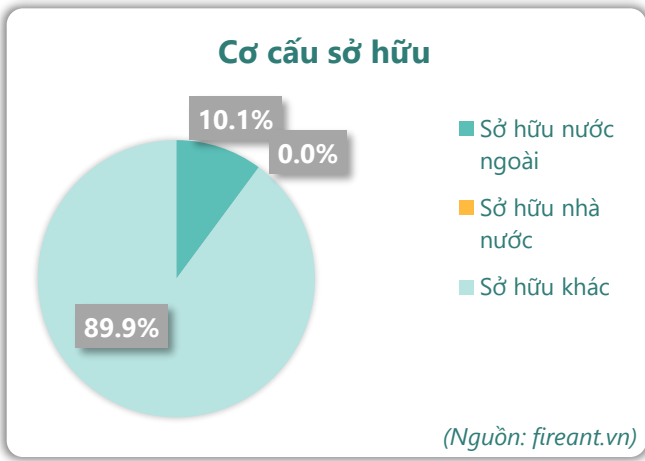
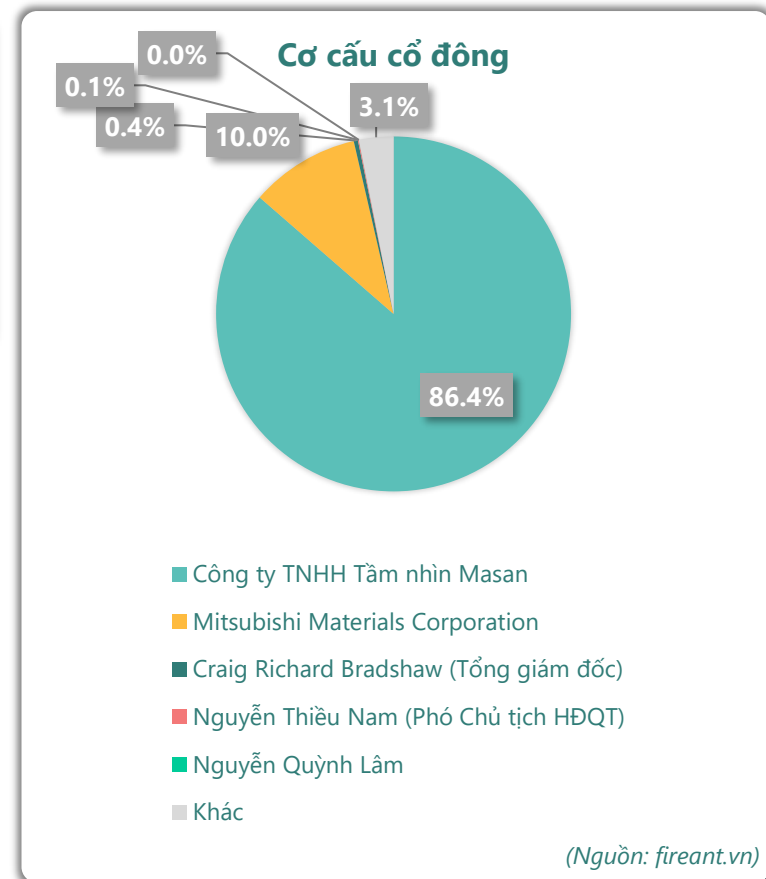
ROE 2023
-10.9%
YoY: +/- ▼ 11.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 19,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,388
Số lượng CPLH (CP)	1,099,155,420
KLGD BQ 20 phiên (CP)	94,945
Sở hữu nước ngoài	10.1%
Beta	1.37
EPS	-1,434
P/E	-10.1

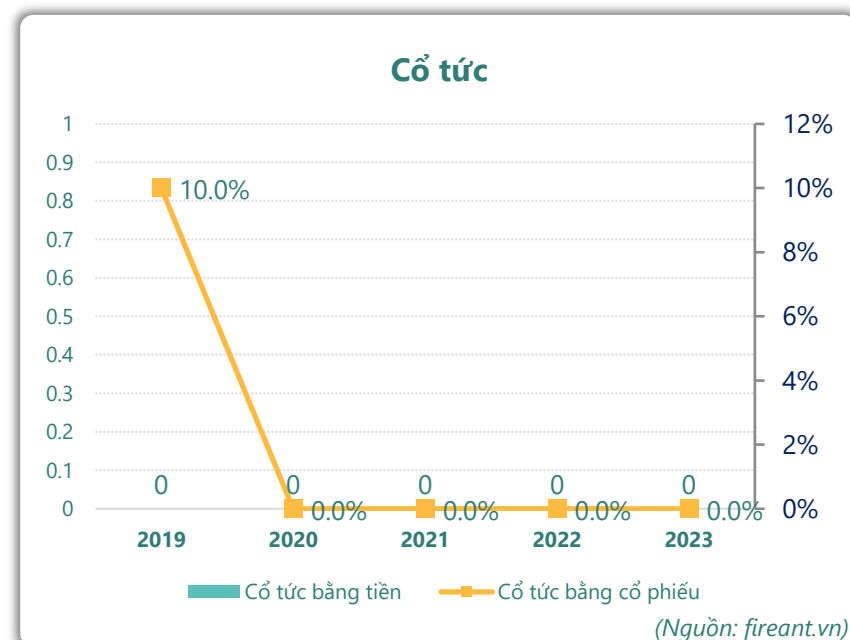
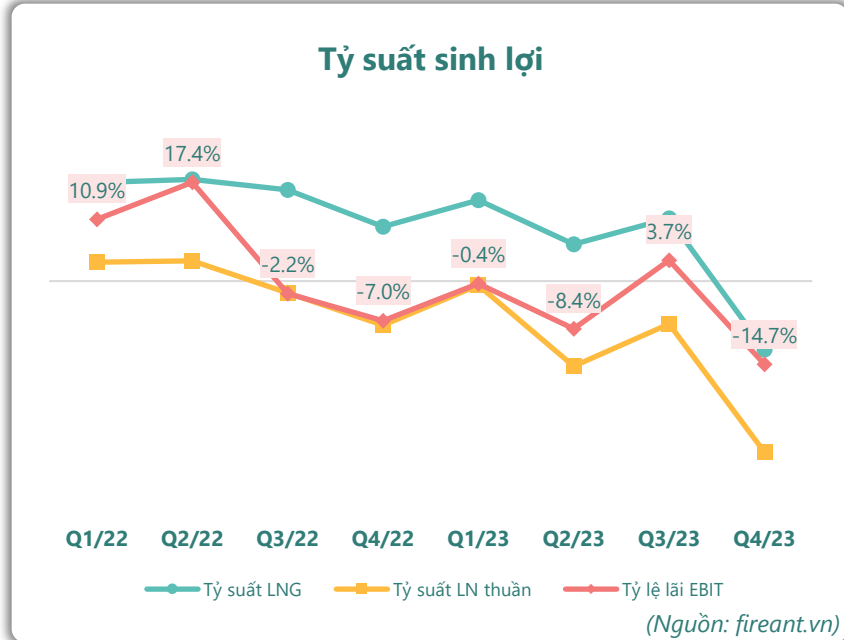
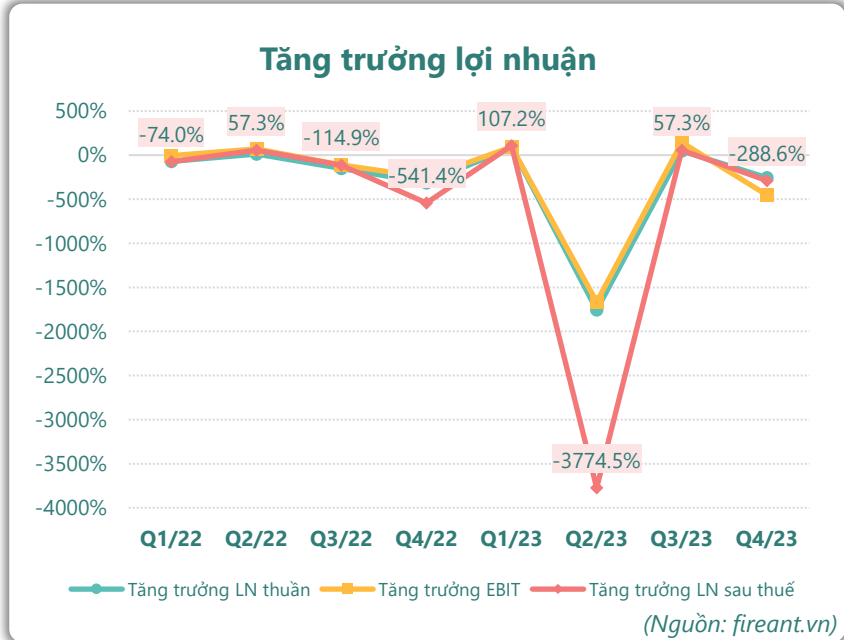
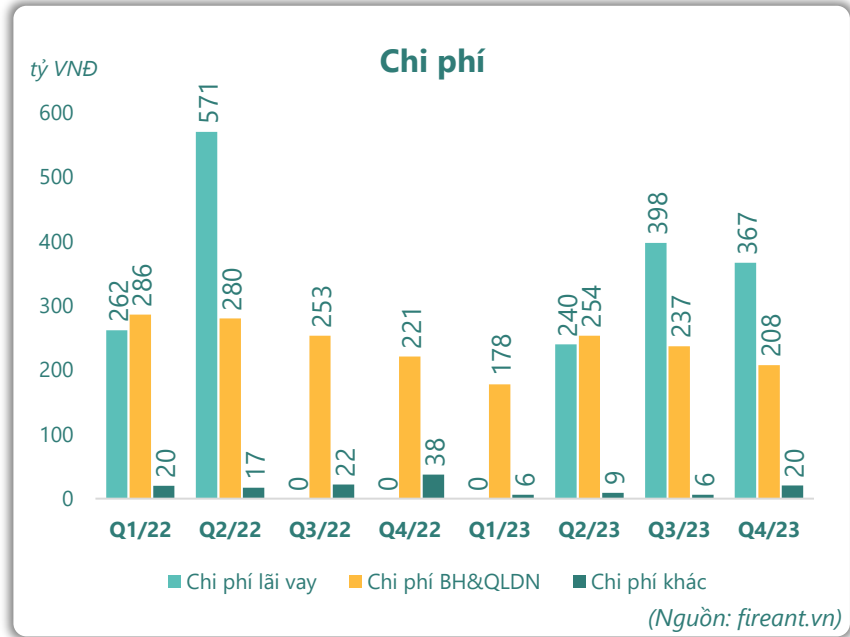
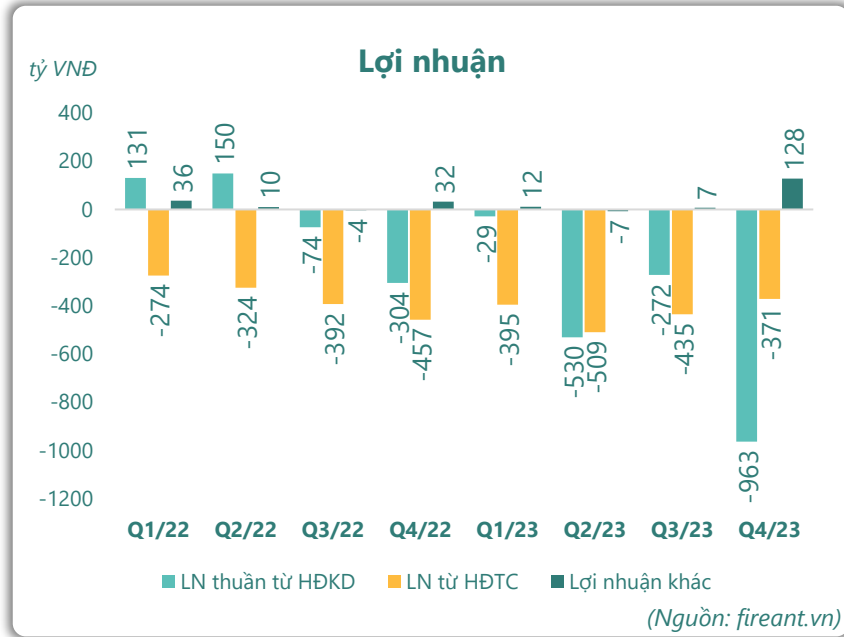
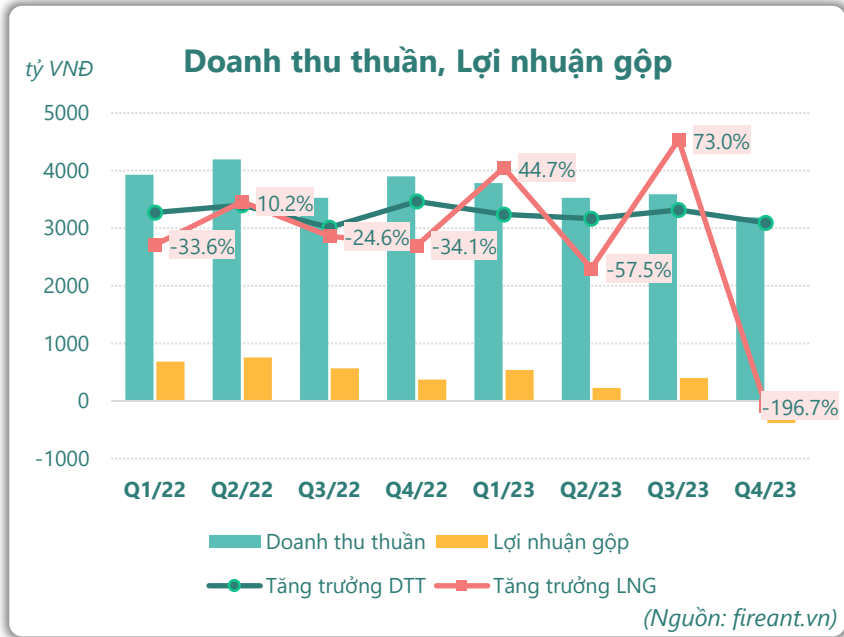
DT thuần 2023
14,093 tỷ VNĐ
YoY: ▼1,457 -9.4%

LN thuần 2023
-1,793 tỷ VNĐ
YoY: ▼1,696 -1741%

LN sau thuế 2023
-1,530 tỷ VNĐ
YoY: ▼1,635 -1555%



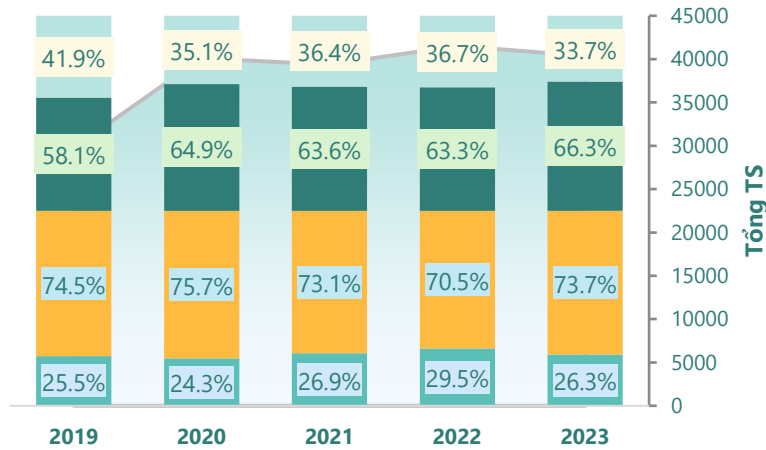
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

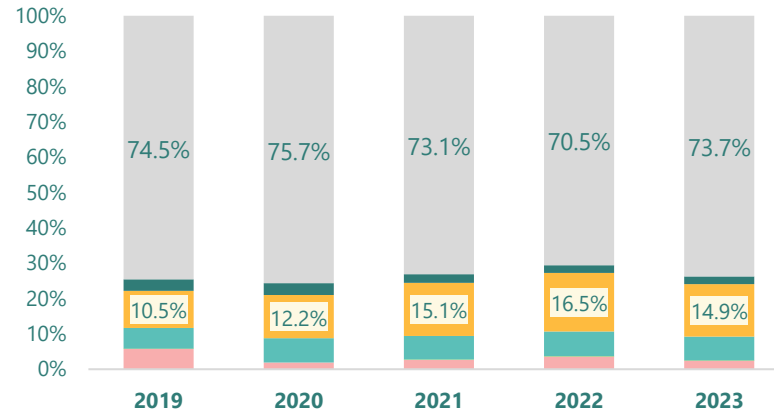
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản
 ■ TS ngắn hạn
 ■ TS dài hạn
 ■ Nợ phải trả
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

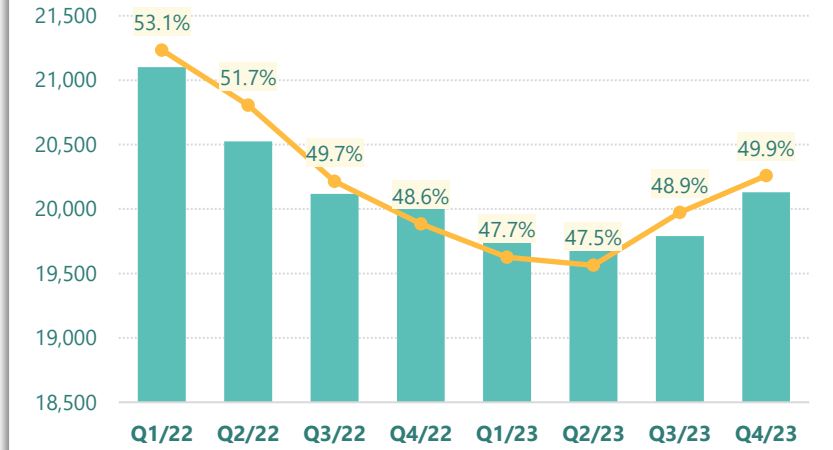


■ Tiền và tương đương tiền
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn
 ■ Phải thu ngắn hạn
 ■ Hàng tồn kho
 ■ Tài sản ngắn hạn khác
 ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

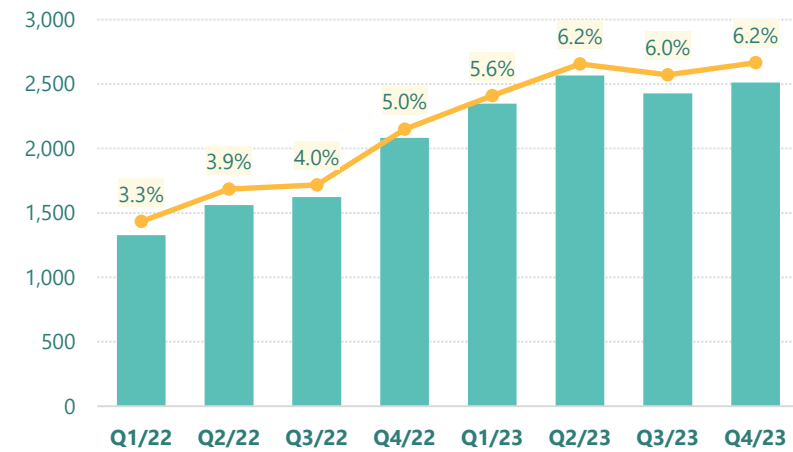


■ Tài sản cố định
 — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

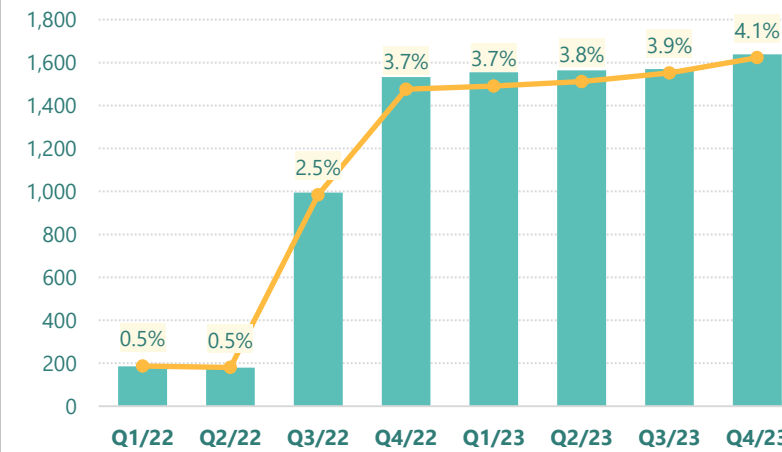


■ Tài sản dở dang
 — TSDĐ dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

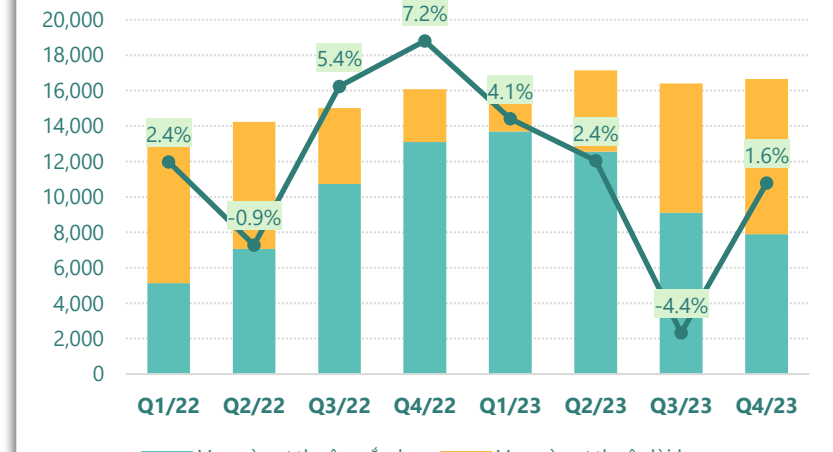


■ Đầu tư tài chính dài hạn
 — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

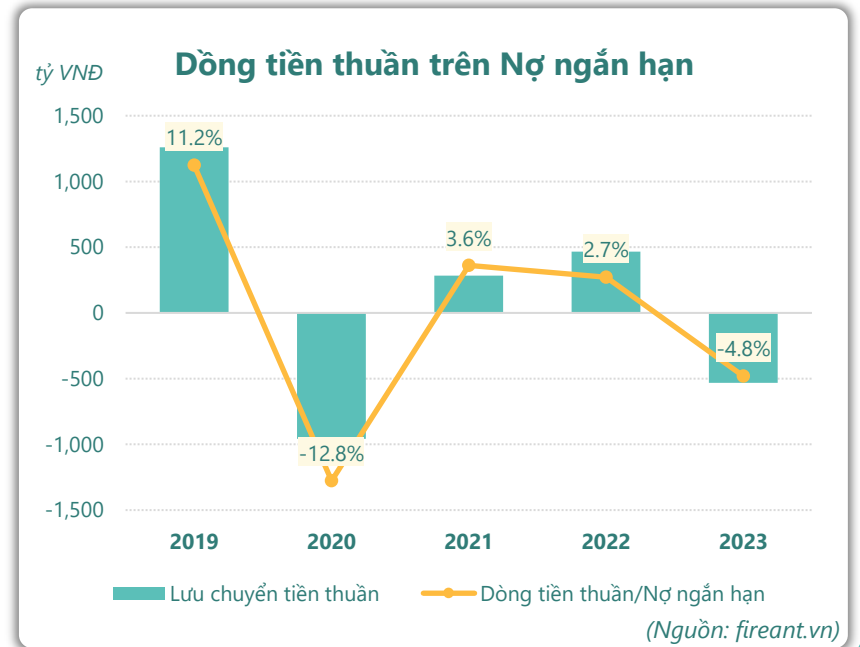
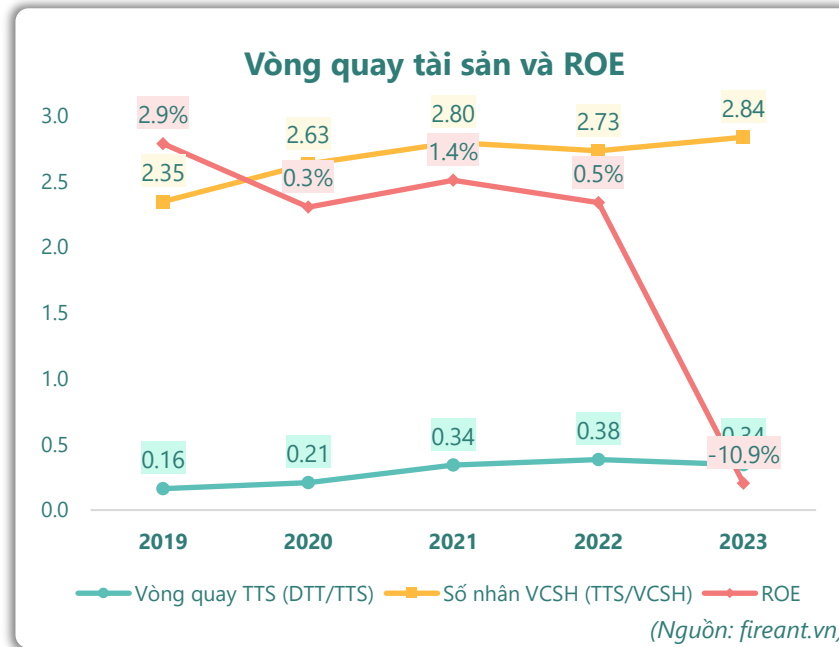
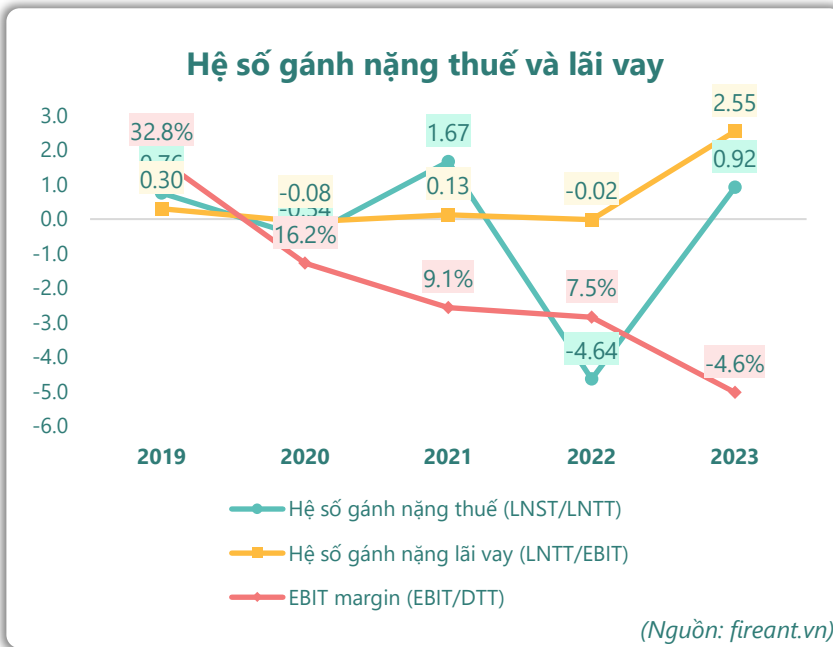
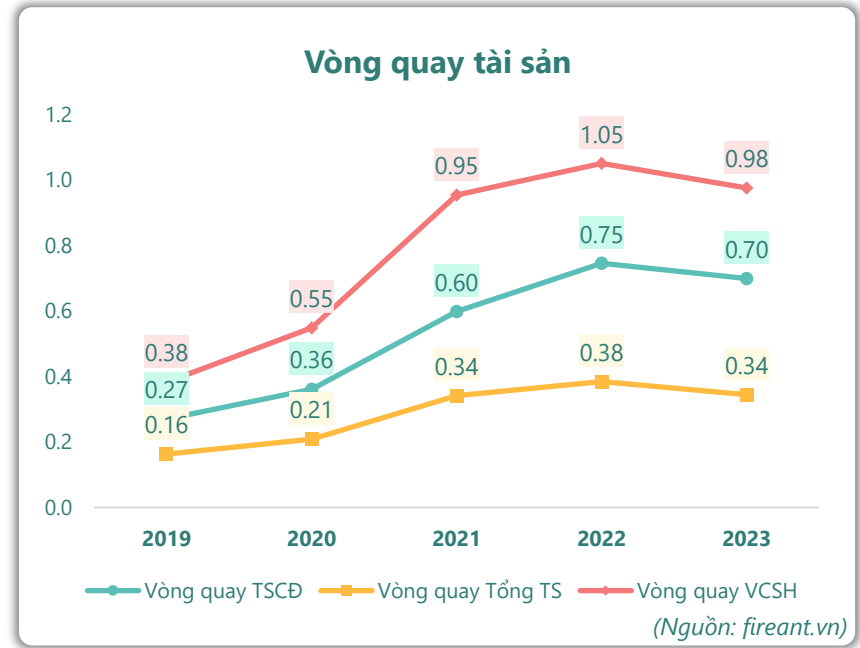
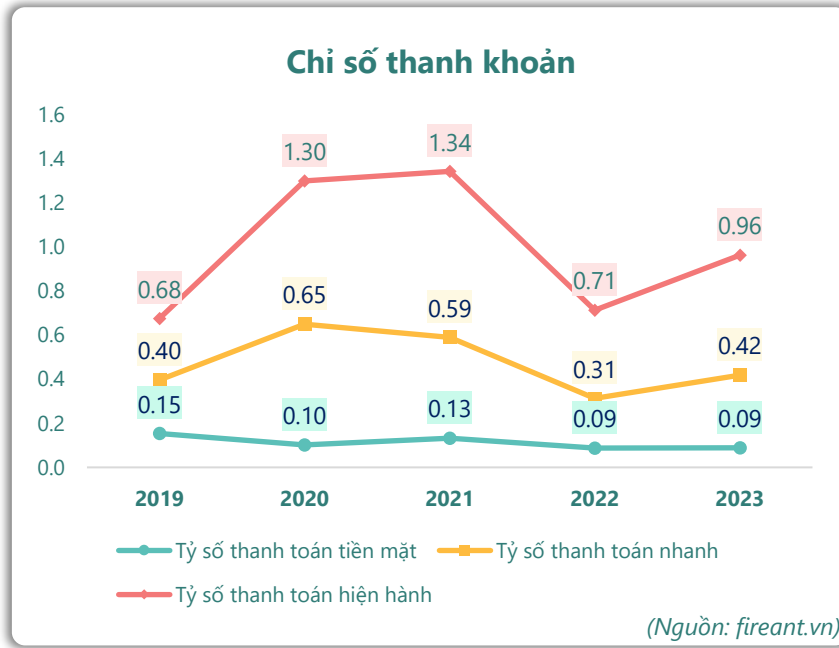
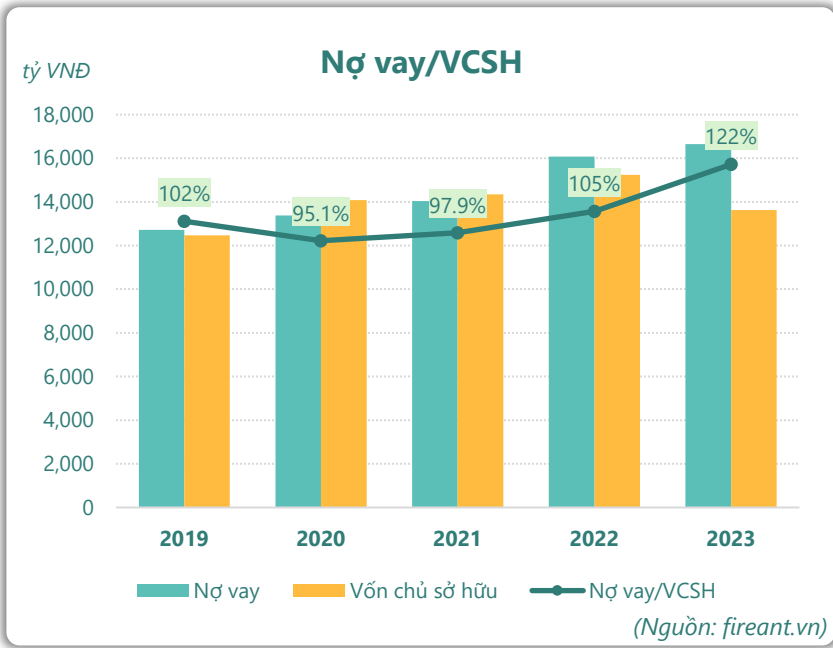
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn
 — Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,188	3,898	-18.2%	14,093	15,550	-9.4%
Giá vốn hàng bán	3,573	3,524	1.4%	13,309	13,173	1.0%
Lợi nhuận gộp	-385	374	-203%	784	2,377	-67.0%
Doanh thu HĐTC	129	35.9	259%	485	470	3.2%
Chi phí TC	500	493	1.5%	2,196	1,917	14.5%
Chi phí lãi vay	367	0.00		1,005	1,195	-15.9%
LN trong công ty LKLD	0.80	0.02	3917%	9.71	13.9	-30.3%
Chi phí bán hàng	92.8	106	-12.5%	377	453	-16.7%
Chi phí QLDN	115	115	-0.1%	500	588	-15.0%
LN thuần từ HĐKD	-963	-304	-217%	-1,793	-97.4	-1741%
Lợi nhuận khác	128	32.1	298%	139	74.8	86.3%
LN trước thuế	-835	-272	-207%	-1,654	-22.6	-7204%
Lợi nhuận sau thuế	-830	-189	-339%	-1,530	105	-1555%
LNST của CĐ cty mẹ	-836	-193	-333%	-1,576	69.0	-2383%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	234	606	-352	-257	-16.7	469
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,117	-1,055	-360	-153	-160	-175
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	769	1,076	660	361	-833	285
Tiền đầu kỳ	994	878	1,503	1,445	1,401	392
Lưu chuyển tiền thuần	-114	627	-51.8	-49.8	-1,009	580
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.14	-1.86	-5.62	5.25	0.67	2.14
Tiền cuối kỳ	878	1,503	1,445	1,401	392	974

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	40,372	41,521	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	10,604	12,228	-13.3%
Tiền và tương đương tiền	974	1,503	-35.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.11	8.11	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,757	2,941	-6.2%
Hàng tồn kho	5,998	6,858	-12.5%
Tài sản ngắn hạn khác	867	918	-5.6%
Tài sản dài hạn	29,769	29,293	1.6%
Phải thu dài hạn	1,447	1,403	3.1%
Tài sản cố định	20,130	20,186	-0.3%
Bất động sản đầu tư	703	722	-2.7%
Tài sản dở dang	2,511	2,082	20.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,638	1,533	6.9%
Tài sản dài hạn khác	3,340	3,367	-0.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26,748	26,274	1.8%
Nợ ngắn hạn	11,021	17,154	-35.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,896	13,105	-39.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,085	1,574	-31.1%
Nợ dài hạn	15,727	9,120	72.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,761	2,979	194%
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,624	15,247	-10.6%
Vốn chủ sở hữu	13,624	15,247	-10.6%
Vốn điều lệ	10,992	10,992	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)